MODAL JAZZ VÀ MỐI QUAN HỆ VỚI DÂN CA VIỆT NAM TRÊN HÀNH TRÌNH XÂY DỰNG NGÔN NGỮ JAZZ HỘI NHẬP, GIÀU BẢN SẮC

TS. Nguyễn Hiền Đức

Modal Jazz là một khuynh hướng nhạc Jazz, đánh dấu sự chuyển dịch từ tư duy hòa âm dựa trên chuỗi hợp âm chức năng sang việc khai thác chiều sâu biểu cảm của điệu thức và âm trung tâm trong một không gian âm thanh. Trong khi đó, dân ca Việt Nam, với sự phong phú về thang âm, điệu thức, luyến láy, nhịp điệu và ngữ điệu vùng miền, chứa đựng những tiềm năng đáng kể cho quá trình sáng tạo và phát triển ngôn ngữ Jazz mang bản sắc dân tộc. Tuy nhiên, mối quan hệ giữa Modal Jazz và dân ca Việt Nam không nên chỉ được nhìn nhận như sự kết hợp giữa hai hệ thống âm thanh, mà cần được tiếp cận như một quá trình đối thoại giữa hai tư duy âm nhạc, trong đó mỗi truyền thống vừa giữ gìn đặc trưng riêng, vừa mở ra khả năng biểu đạt âm nhạc mới.

Trong bài viết này, chúng tôi khái lược những đặc điểm của Modal Jazz, những phương diện tương đồng và khác biệt với một số đặc trưng của dân ca Việt Nam, đồng thời đề xuất một số hướng vận dụng chất liệu dân ca vào sáng tác, hòa âm, ứng tác và biểu diễn Jazz đương đại. Qua đó, tiến tới việc xây dựng một cách tiếp cận sáng tạo có cơ sở lý luận, góp phần phát triển ngôn ngữ Jazz Việt Nam trong mối quan hệ giữa hội nhập quốc tế và bản sắc văn hóa dân tộc.

Từ khóa: Modal Jazz, dân ca Việt Nam, điệu thức, thang âm, ứng tác, Piano Jazz, bản sắc dân tộc.

Trong lịch sử phát triển của âm nhạc thế giới, sự giao thoa giữa các truyền thống âm nhạc luôn là một động lực quan trọng thúc đẩy quá trình đổi mới ngôn ngữ nghệ thuật. Nhạc Jazz, với bản chất mở, tinh thần ứng tác và khả năng tiếp nhận nhiều nguồn chất liệu khác nhau, đã cho thấy sự gặp gỡ giữa những nền văn hóa âm nhạc có thể tạo nên những hình thức biểu đạt mới mẻ, giàu sức sống.

Nếu ở khuynh hướng Bebop, tư duy hòa âm và sự vận động nhanh của các hợp âm giữ vai trò nổi bật trong việc tổ chức ngôn ngữ ứng tác, thì Modal Jazz mở ra một hướng tiếp cận khác: giảm bớt sự phụ thuộc vào những chuỗi hợp âm biến đổi liên tục, tập trung khai thác màu sắc điệu thức và âm trung tâm trong sự phát triển các ý tưởng âm nhạc, nhằm tạo nên một không gian âm thanh tương đối ổn định. Sự thay đổi này không chỉ liên quan đến kỹ thuật hòa âm mà còn thể hiện một cách nhìn khác về giai điệu và khả năng phát triển hình tượng âm nhạc.

Ở Việt Nam, dân ca là một bộ phận quan trọng của di sản âm nhạc dân tộc. Từ những làn điệu quan họ Bắc Ninh, dân ca đồng bằng Bắc Bộ, ví giặm Nghệ Tĩnh, dân ca miền Trung đến các điệu lý Nam Bộ và dân ca Tây Nguyên, mỗi vùng miền đều hình thành những đặc trưng riêng về thang âm, cách nhấn nhá, luyến láy, nhịp điệu và phương thức biểu đạt cảm xúc. Những đặc trưng ấy không chỉ phản ánh môi trường sinh hoạt và đời

sống tinh thần của cộng đồng mà còn tạo nên một kho tàng chất liệu phong phú cho sáng tác âm nhạc.

Do vậy, để chất liệu dân ca có thể bước vào không gian ứng tác Jazz mà không đánh mất đặc điểm ngữ điệu, sắc thái vùng miền và tinh thần văn hóa vốn có thì vấn đề không chỉ đơn thuần là lựa chọn thang âm hoặc phối hợp các hợp âm. Mà quan trọng hơn, đó là việc tìm kiếm một phương thức đối thoại giữa hai hệ thống tư duy âm nhạc: một bên là tinh thần ứng tác, tính linh hoạt và khả năng phát triển không gian âm thanh của Jazz; bên kia là truyền thống giai điệu, ngữ điệu và phương thức biểu đạt được hình thành trong đời sống văn hóa Việt Nam.

Từ góc nhìn đó, nghiên cứu mối quan hệ giữa Modal Jazz và dân ca Việt Nam có ý nghĩa cả về lý luận lẫn thực tiễn, đặc biệt đối với sáng tác, đào tạo và biểu diễn Jazz tại Việt Nam hiện nay.

1. MODAL JAZZ SỰ CHUYỂN DỊCH TƯ DUY HÒA ÂM VÀ ỨNG TÁC

1.1. Modal Jazz, hay Jazz điệu thức, là khuynh hướng phát triển của Jazz hiện đại, trong đó điệu thức giữ vai trò quan trọng trong việc tổ chức giai điệu, hòa âm và ứng tác. Thay vì dựa chủ yếu vào sự luân chuyển liên tục của các hợp âm chức năng, người biểu diễn có thể phát triển ý tưởng âm nhạc dựa trên âm trung tâm hoặc một điệu thức trong thời gian tương đối dài.

Một số tác phẩm có ý nghĩa tiêu biểu đối với sự phát triển của khuynh hướng này gồm *Milestones* của Miles Davis, phiên bản thu âm năm 1958, và đặc biệt là album *Kind of Blue* phát hành năm 1959. Trong album này, các tác phẩm như *So What* và *Flamenco Sketches* cho thấy những cách tổ chức âm nhạc trong đó màu sắc điệu thức và sự phát triển của ý tưởng ứng tác giữ vị trí trung tâm.

Nếu trong cấu trúc hòa âm truyền thống của nhiều chuẩn mực Jazz, người chơi thường phải liên tục phản ứng với sự thay đổi của hợp âm, thì trong Modal Jazz, một không gian điệu thức có thể được duy trì đủ lâu để nghệ sĩ khám phá nhiều khả năng biểu cảm khác nhau của cùng một tập hợp âm thanh. Điều đó không có nghĩa Modal Jazz loại bỏ hoàn toàn hòa âm chức năng. Đúng hơn, nó mở rộng những khả năng tổ chức âm nhạc, cho phép người biểu diễn lựa chọn mức độ vận động hòa âm phù hợp với ý tưởng nghệ thuật.

1.2. *Trước hết*, nghệ sĩ không chỉ nhìn các nốt nhạc như những thành phần thuộc một hợp âm cụ thể mà còn xem xét vị trí, quan hệ và sức hút biểu cảm của chúng trong toàn bộ không gian điệu thức.

Thứ hai, một mô-típ ngắn có thể được lặp lại, biến đổi tiết tấu, thay đổi cao độ, mở rộng hoặc thu hẹp quãng, tạo nên một tiến trình phát triển liên tục mà không nhất thiết cần đến nhiều hợp âm mới.

Thứ ba, thay vì chỉ tập trung vào chức năng dẫn đến hợp âm tiếp theo, nghệ sĩ có thể khai thác các quãng mở, hợp âm chồng quãng bốn, âm pedal, những nốt kéo dài hoặc các tổ hợp âm thanh giàu tính chất gợi mở.

Thứ tư, một câu nhạc không nhất thiết phải liên tục lấp đầy mọi khoảng trống. Sự ngắt quãng, lặp lại, đối thoại giữa các nhạc cụ và cách sử dụng khoảng lặng đều có thể góp phần hình thành cấu trúc nghệ thuật.

Cuối cùng, Modal Jazz khuyến khích người biểu diễn khám phá chiều sâu của một ý tưởng thay vì chỉ tìm kiếm số lượng ý tưởng mới. Giá trị của ứng tác không đơn thuần nằm ở tốc độ hoặc mật độ nốt nhạc, mà còn ở khả năng tạo dựng một tiến trình có tính nhất quán, có cao trào và có định hướng biểu cảm.

Những đặc điểm này tạo nên cơ sở thuận lợi để xem xét mối quan hệ giữa Modal Jazz với những truyền thống âm nhạc có tính chất giai điệu nổi bật, trong đó có dân ca Việt Nam.

2. DÂN CA VIỆT NAM DƯỚI GÓC NHÌN ĐIỆU THỨC VÀ NGỮ ĐIỆU

2.1. Dân ca Việt Nam hình thành trong những môi trường văn hóa, ngôn ngữ và sinh hoạt cộng đồng khác nhau. Vì vậy, không thể xem dân ca Việt Nam như một hệ thống thang âm hoặc điệu thức duy nhất.

Nhiều làn điệu sử dụng các tập hợp âm thanh có thể được mô tả bằng năm âm, nhưng cách tổ chức cao độ, vai trò của âm kết, sự xuất hiện của những âm trang trí và phương thức luyến láy rất khác nhau giữa các thể loại. Bên cạnh đó, cũng tồn tại những trường hợp sử dụng hệ thống âm thanh phong phú hơn hoặc có cách tổ chức không thể giải thích đầy đủ chỉ bằng việc quy về một thang âm ngũ cung.

Trong Quan họ, sự mềm mại của đường nét giai điệu, cách ngân, nhả chữ và tổ chức các câu hát góp phần tạo nên tính chất giao duyên đặc trưng. Ở ví, giặm Nghệ Tĩnh, quan hệ giữa ngôn ngữ, thanh điệu và giai điệu có ý nghĩa đặc biệt trong việc chuyển tải nội dung trữ tình và tự sự. Dân ca miền Trung thể hiện những sắc thái riêng trong cách sử dụng cao độ và luyến láy, trong khi nhiều điệu lý Nam Bộ mang đến cảm giác gần gũi, linh hoạt và giàu tính khẩu ngữ.

Đối với dân ca Tây Nguyên, một số truyền thống thanh nhạc và khí nhạc gắn với môi trường diễn xướng cộng đồng, nhịp điệu và cấu trúc lặp có thể tạo ra những khả năng phát triển âm nhạc đáng chú ý. Tuy nhiên, mỗi cộng đồng và thể loại cần được nghiên cứu cụ thể, tránh khái quát hóa toàn bộ âm nhạc Tây Nguyên thành một đặc điểm chung duy nhất.

Sự đa dạng ấy cho thấy chất liệu dân ca không chỉ nằm trong một tập hợp nốt nhạc mà còn hiện diện trong cách tổ chức giai điệu, cách phát âm, phương thức diễn xướng, quan hệ giữa âm nhạc và lời ca, cũng như bối cảnh văn hóa của tác phẩm.

2.2. Một đặc điểm quan trọng của dân ca Việt Nam là mối quan hệ mật thiết giữa giai điệu và ngôn ngữ tiếng Việt. Thanh điệu của tiếng Việt có thể ảnh hưởng đáng kể đến hướng chuyển động cao độ, cách nhấn, độ dài và sắc thái biểu cảm của câu hát.

Tuy nhiên, mối quan hệ này không hoàn toàn đồng nhất giữa các thể loại. Trong một số hình thức dân ca, giai điệu bám sát ngữ điệu lời nói; trong những hình thức khác, quy luật âm nhạc, cấu trúc làn điệu và phong cách diễn xướng có thể làm biến đổi hoặc mở rộng cách thể hiện thanh điệu tự nhiên.

Đối với người nghiên cứu Jazz, điều này đặt ra một yêu cầu quan trọng: khi chuyển chất liệu dân ca sang nhạc cụ như Piano, cần nhận diện không chỉ các cao độ chính mà còn cả hướng luyến, điểm nhấn, độ ngân, sự trì hoãn, nhịp lấy đà và cách kết thúc câu nhạc. Nếu chỉ lấy một đoạn giai điệu dân ca rồi thay đổi hòa âm bên dưới, kết quả có thể tạo ra

một bản phối mới nhưng chưa chắc đã khai thác được chiều sâu của ngôn ngữ âm nhạc truyền thống.

Ngược lại, nếu hiểu giai điệu như một quá trình vận động có ngữ điệu và tính cách riêng, nghệ sĩ có thể tìm được những phương thức phát triển sáng tạo mà vẫn duy trì mối liên hệ với nguồn chất liệu ban đầu.

2.3. Nhiều thể loại dân ca sử dụng sự lặp lại của mô-típ, câu nhạc hoặc cấu trúc tiết tấu. Sự lặp này không nhất thiết tạo ra tính đơn điệu, bởi mỗi lần tái hiện có thể được biến đổi thông qua lời ca, cách nhấn nhá, cường độ, cách luyến hoặc sự tương tác giữa người hát và người đáp.

Đây là một phương diện có thể tạo nên sự gặp gỡ đáng chú ý với Modal Jazz. Trong cả hai trường hợp, một ý tưởng âm nhạc có thể được duy trì đủ lâu để bộc lộ nhiều sắc thái khác nhau. Tuy vậy, sự tương đồng về nguyên lý phát triển không đồng nghĩa hai truyền thống có cùng nguồn gốc hoặc cùng hệ thống lý luận.

Đối với dân ca Việt Nam, sự lặp lại thường gắn với cấu trúc làn điệu, lời ca và bối cảnh diễn xướng cụ thể. Trong Modal Jazz, sự lặp lại có thể trở thành nền tảng cho quá trình khám phá màu sắc điệu thức, phát triển mô-típ và tương tác ngẫu hứng giữa các nhạc công.

Chính tại điểm gặp gỡ này, người sáng tác có thể xây dựng những hình thức đối thoại nghệ thuật giữa truyền thống dân tộc và ngôn ngữ Jazz hiện đại.

3. ĐIỂM GẶP GỠ VÀ KHÁC BIỆT GIỮA MODAL JAZZ VÀ DÂN CA VIỆT NAM

3.1. Một trong những điểm gặp gỡ có ý nghĩa giữa Modal Jazz và dân ca Việt Nam là khả năng tổ chức âm nhạc dựa trên những tập hợp cao độ có tính ổn định tương đối. Trong Modal Jazz, một điệu thức có thể trở thành nền tảng để phát triển giai điệu, hòa âm và ứng tác. Trong dân ca Việt Nam, những tập hợp âm thanh đặc trưng của từng làn điệu cũng góp phần hình thành màu sắc và bản sắc âm nhạc.

Tuy nhiên, cần phân biệt rõ giữa điệu thức trong lý thuyết Jazz phương Tây và các hệ thống âm thanh trong truyền thống dân ca Việt Nam. Việc một làn điệu sử dụng năm âm không có nghĩa là làn điệu ấy có thể được giải thích đầy đủ bằng một thang âm ngũ cung phương Tây tương ứng. Những âm bậc quan trọng, cách xử lý cao độ, quan hệ giữa các âm và đặc biệt là lối luyến láy có thể tạo ra những sắc thái vượt ra ngoài khuôn khổ của ký hiệu cao độ thông thường.

Do đó, thay vì áp đặt một điệu thức Jazz có sẵn lên giai điệu dân ca, người nghiên cứu cần bắt đầu từ việc phân tích chính làn điệu, xác định các âm trụ, những âm có tính chất trang trí và các điểm kết thúc câu nhạc. Trên cơ sở đó, có thể tìm kiếm một không gian hòa âm tương thích để phát triển chất liệu.

Cách tiếp cận này giúp Modal Jazz trở thành phương tiện khám phá cấu trúc âm nhạc dân ca, thay vì chỉ là một lớp hòa âm mới phủ lên giai điệu truyền thống.

3.2. Modal Jazz và dân ca Việt Nam đều có thể khai thác hiệu quả những mô-típ ngắn. Một mô-típ dân ca, khi được tách khỏi cấu trúc nguyên bản để nghiên cứu, có thể được phát triển bằng nhiều phương pháp: thay đổi tiết tấu, chuyển vị trí âm vực, mở rộng quãng, đảo hướng chuyển động hoặc kết hợp với các mô-típ khác.

Trong ứng tác Modal Jazz, nghệ sĩ có thể bắt đầu bằng một ý tưởng rất đơn giản rồi phát triển nó qua nhiều vòng lặp. Sự thay đổi có thể xuất hiện ở cách nhấn phách, mật độ nốt nhạc, cường độ, tổ chức âm thanh hoặc quan hệ với phần đệm.

Khi áp dụng vào dân ca Việt Nam, điều quan trọng là phải phân biệt giữa biến hóa sáng tạo và sự biến đổi làm mất đi đặc trưng của làn điệu. Không phải mọi câu dân ca đều phù hợp với việc phân mảnh hoặc thay đổi cao độ tùy ý. Có những mô-típ chỉ thực sự có ý nghĩa khi được đặt trong toàn bộ câu hát hoặc gắn với một ngữ điệu cụ thể.

Vì vậy, người nghệ sĩ cần nhận diện yếu tố nào là cốt lõi, yếu tố nào có thể phát triển tự do. Đây là cơ sở để xây dựng một ngôn ngữ ứng tác vừa có tính sáng tạo cá nhân, vừa giữ được mối liên hệ với truyền thống.

3.3. Một trong những đóng góp nổi bật của Modal Jazz là khả năng tạo ra không gian hòa âm tương đối ổn định nhưng không nghèo nàn về màu sắc. Trên một âm trung tâm, nghệ sĩ có thể thay đổi cách sắp xếp các nốt trong hợp âm, sử dụng những quãng mở, hợp âm chồng quãng bốn, âm pedal hoặc các lớp âm thanh tương phản.

Khi vận dụng vào dân ca Việt Nam, những phương pháp này có thể tạo ra một môi trường âm thanh mới cho giai điệu truyền thống. Một câu hát mang tính chất trữ tình có thể được đặt trên nền hợp âm thưa, sử dụng quãng rộng và tiết tấu chậm. Một làn điệu có tính chất vui tươi có thể được phát triển với nhịp điệu linh hoạt, các lớp tiết tấu đối thoại và sự biến đổi về mật độ hòa âm.

Tuy nhiên, không nên mặc định rằng hòa âm càng phức tạp thì tác phẩm càng hiện đại. Trong nhiều trường hợp, một hợp âm đơn giản nhưng được lựa chọn chính xác về âm vực, nhịp điệu và thời điểm xuất hiện sẽ giúp giai điệu dân ca bộc lộ rõ hơn bản sắc của nó.

Thách thức thực sự là tìm được mối quan hệ giữa màu sắc hòa âm mới và đặc điểm giai điệu vốn có, sao cho hai yếu tố bổ sung cho nhau thay vì cạnh tranh với nhau.

4. VẬN DỤNG MODAL JAZZ VÀO SÁNG TẠO ÂM NHẠC TỪ DÂN CA VIỆT NAM

4.1. Quá trình sáng tạo nên bắt đầu từ việc lựa chọn một làn điệu cụ thể, ưu tiên những bản thu hoặc bản ký âm có nguồn gốc rõ ràng. Người nghiên cứu cần xác định xuất xứ vùng miền, thể loại, bối cảnh diễn xướng và đặc điểm giai điệu.

Tiếp theo, cần phân tích đường nét cao độ, các âm trụ, mô-típ nổi bật, nhịp điệu, điểm ngắt câu và cách xử lý những nốt ngân hoặc luyến. Nếu có điều kiện, việc nghe nhiều phiên bản do những nghệ nhân hoặc nghệ sĩ khác nhau trình bày sẽ giúp nhận diện sự khác biệt giữa cấu trúc tương đối ổn định của làn điệu và những biến hóa trong diễn xướng.

Đối với Piano Jazz, nên thử thể hiện giai điệu bằng một đường nét đơn âm trước khi bổ sung hòa âm. Cách làm này giúp người chơi đánh giá xem những đặc điểm quan trọng của làn điệu đã được giữ lại hay chưa.

4.2. Sau khi phân tích giai điệu, người sáng tác có thể lựa chọn những âm trung tâm phù hợp với âm vực của nhạc cụ và khả năng biểu đạt của tác phẩm.

Từ các cao độ thực tế của làn điệu, người sáng tác xác định tập hợp âm thanh có thể sử dụng làm nền tảng. Nếu chất liệu không hoàn toàn tương ứng với một điệu thức Jazz

phổ biến, có thể xây dựng một tập hợp cao độ riêng hoặc sử dụng một số hợp âm giới hạn để tránh xung đột với những âm đặc trưng của giai điệu.

Ở giai đoạn này, cần đặc biệt chú ý đến các nốt có vai trò quan trọng trong câu dân ca. Những nốt ấy có thể cần được giữ nguyên, kéo dài hoặc đặt ở vị trí nổi bật trong phần hòa âm. Ngược lại, một số nốt có tính chất luyến láy hoặc biến đổi linh hoạt có thể cần được xử lý bằng phương pháp diễn tấu thay vì cố định thành một cao độ cứng nhắc.

4.3. Khi đã xác định được âm trung tâm và tập hợp cao độ, người sáng tác có thể thử nghiệm nhiều phương án hòa âm.

Phương án thứ nhất là sử dụng âm trầm hoặc âm pedal duy trì trong một khoảng thời gian, trong khi các hợp âm phía trên thay đổi màu sắc. Phương án này giúp giữ cảm giác về trung tâm âm, đồng thời tạo ra sự chuyển động trong không gian hòa âm.

Phương án thứ hai là sử dụng hợp âm mở, chẳng hạn các cấu trúc chồng quãng bốn hoặc những tổ hợp âm có khoảng cách rộng. Tuy nhiên, việc lựa chọn nốt phải căn cứ vào giai điệu cụ thể, tránh đưa vào những cao độ làm biến dạng đặc điểm của làn điệu.

Phương án thứ ba là sử dụng các hợp âm có số lượng nốt giới hạn, tạo nhiều khoảng trống cho giai điệu và phần ứng tác. Cách tiếp cận này đặc biệt thích hợp với Piano Jazz, bởi người chơi có thể đồng thời đảm nhiệm vai trò giai điệu, hòa âm và nhịp điệu.

Điểm cốt yếu là hòa âm phải phục vụ cấu trúc biểu cảm của dân ca. Không nên chỉ lựa chọn hợp âm dựa trên thói quen sử dụng các vòng hòa âm Jazz quen thuộc.

4.4. Một tác phẩm kết hợp Modal Jazz với dân ca Việt Nam có thể được xây dựng theo nhiều hình thức khác nhau. Chẳng hạn, phần mở đầu trình bày một mô-típ dân ca bằng nhạc cụ đơn âm; phần tiếp theo giới thiệu không gian hòa âm; phần ứng tác phát triển từ mô-típ gốc; cuối cùng, chủ đề dân ca được tái hiện trong một sắc thái mới.

Trong phần ứng tác, nghệ sĩ nên duy trì một số đặc điểm nhận diện của chất liệu ban đầu, chẳng hạn hướng chuyển động giai điệu, mô-típ tiết tấu hoặc một nhóm âm đặc trưng. Từ những yếu tố đó, người chơi có thể mở rộng âm vực, thay đổi nhịp điệu, sử dụng khoảng lặng hoặc tạo các câu đối đáp giữa tay phải và tay trái.

Với ban nhạc, phần Bass có thể duy trì trung tâm âm hoặc xây dựng đường nét tiết tấu phù hợp. Trống có thể chuyển từ nhịp điệu tiết chế sang những mô hình linh hoạt hơn theo diễn tiến của tác phẩm. Các nhạc cụ giai điệu khác có thể tham gia bằng những câu đáp, tạo sự tương tác thay vì liên tục chồng thêm âm thanh.

Nhờ vậy, tác phẩm không chỉ là một bản phối dân ca theo phong cách Jazz, mà có thể trở thành một cấu trúc âm nhạc mới, trong đó chất liệu dân ca tham gia trực tiếp vào quá trình phát triển và ứng tác.

Một số tác phẩm có ý nghĩa tiêu biểu đối với sự phát triển của khuynh hướng này có thể kể tới trong album *Tales from Viêt-Nam* (1996) của nghệ sĩ guitar quốc tế, gốc Việt Nguyên Lê. Đây là album đặc biệt quan trọng trong sự nghiệp của ông, được giới phê bình quốc tế đón nhận tích cực, nhận các đánh giá và giải thưởng như Diapason d'Or, Choc du Monde de la Musique và Choc de l'année Jazzman, theo tiểu sử trên trang chính thức của nghệ sĩ.

Album kết tinh quá trình nghiên cứu và sáng tạo trên chất liệu dân ca Việt Nam, thể hiện rõ nhất việc chuyển hóa dân ca và âm sắc nhạc cụ Việt Nam thành ngôn ngữ jazz. Nguyên Lê không chỉ đưa giai điệu dân ca vào phần đệm jazz. Ông sử dụng guitar điện,

guitar synthesizer, hòa âm jazz, ngẫu hứng và nhạc cụ truyền thống để tạo ra những cách diễn đạt mới cho các giai điệu quen thuộc. Sự kết hợp này giữ lại nét trữ tình của âm nhạc Việt Nam nhưng mở rộng không gian biểu đạt bằng ngôn ngữ jazz đương đại. Trong đó, các nhạc cụ như Guitar điện và guitar tổng hợp tạo ra màu sắc âm thanh hiện đại. Đàn tranh, đàn bầu và sáo mang đến những âm sắc đặc trưng của âm nhạc Việt Nam. Trumpet, flugelhorn và saxophone mở rộng khả năng đối thoại giữa giai điệu truyền thống và ngẫu hứng jazz.

Hà Nội Duo (2017) cũng là cuộc đối thoại trực tiếp giữa jazz đương đại và nghệ thuật âm nhạc truyền thống Việt Nam. Sự kết hợp guitar và tư duy jazz của Nguyên Lê với tiếng đàn, giọng hát và chất liệu âm nhạc truyền thống của Ngô Hồng Quang. Đây cũng là lựa chọn đáng nghe để tìm hiểu sâu hơn cách âm nhạc truyền thống Việt Nam tiếp tục được sáng tạo trong thế kỷ XXI.

4.5. Một số định hướng thực hành trên Piano Jazz: Từ góc độ biểu diễn và đào tạo, có thể đề xuất một quy trình thực hành gồm bốn bước.

Bước một: Học và trình bày nguyên bản**.** Người học cần nghe, hát hoặc chơi lại giai điệu dân ca, chú ý đến cách nhả câu, điểm nhấn và đặc điểm luyến láy. Nếu chỉ đọc nốt nhạc mà không hiểu phong cách diễn xướng, việc chuyển thể dễ trở nên khô cứng.

Bước hai: Xây dựng phần đệm tối giản. Thay vì sử dụng ngay những hợp âm phức tạp, người chơi thử nghiệm âm trầm, quãng mở và một số hợp âm có màu sắc phù hợp. Mục tiêu là làm rõ giai điệu trước khi tìm kiếm sự phong phú về hòa âm.

Bước ba: Phát triển ứng tác từ mô-típ. Người học lựa chọn một mô-típ ngắn, thực hành biến đổi tiết tấu, chuyển vị trí âm vực, thay đổi độ dài câu và sử dụng khoảng lặng. Việc ứng tác nên bắt đầu bằng những giới hạn rõ ràng, sau đó mới mở rộng phạm vi cao độ và tiết tấu.

Bước bốn: Xây dựng hình thức biểu diễn hoàn chỉnh. Các phần mở đầu, chủ đề, ứng tác, cao trào và kết thúc cần được tổ chức có chủ đích. Người biểu diễn cần biết khi nào nên tiết chế, khi nào nên tăng mật độ âm thanh và thời điểm nào cần trở lại chủ đề để tạo tính thống nhất.

Quy trình này có thể được sử dụng trong giảng dạy Piano Jazz ở bậc đại học, giúp sinh viên hiểu rằng ứng tác không đơn thuần là việc chơi các nốt thuộc một thang âm. Đó là quá trình tổ chức ý tưởng, xây dựng cấu trúc và tạo ra một câu chuyện âm nhạc có bản sắc.

4.6. Bên cạnh những cơ hội sáng tạo, việc kết hợp Modal Jazz với dân ca Việt Nam cũng đặt ra một số thách thức - Những lưu ý trong quá trình kết hợp Modal Jazz và dân ca Việt Nam.

Thứ nhất là nguy cơ đồng nhất các hệ thống âm nhạc khác nhau. Việc tìm ra một tập hợp cao độ tương tự giữa dân ca và một điệu thức Jazz chỉ là bước khởi đầu. Muốn hiểu đầy đủ chất liệu dân ca, cần nghiên cứu cách vận động giai điệu, chức năng của các âm và đặc điểm diễn xướng trong bối cảnh văn hóa cụ thể.

Thứ hai là nguy cơ làm mất bản sắc giai điệu. Khi chuyển thể sang Piano hoặc ban nhạc Jazz, những chi tiết như luyến láy, độ mềm mại của cao độ và mối quan hệ với thanh điệu tiếng Việt có thể bị giản lược. Vì vậy, cần có sự phối hợp giữa phân tích lý thuyết, thực hành diễn tấu và nghiên cứu nguồn tư liệu dân ca.

Thứ ba là yêu cầu cân bằng giữa sáng tạo cá nhân và tính xác thực văn hóa. Nghệ sĩ có quyền sáng tạo, biến đổi và phát triển chất liệu, nhưng cần nhận thức rõ nguồn gốc và ý nghĩa của chất liệu mình sử dụng. Đặc biệt với những truyền thống gắn với cộng đồng cụ thể, việc tham khảo nghệ nhân và tư liệu chuyên môn là cần thiết.

Thứ tư là vấn đề đào tạo. Nếu muốn phát triển một ngôn ngữ Jazz mang bản sắc Việt Nam, chương trình đào tạo không nên chỉ tập trung vào các điệu thức, vòng hợp âm và kỹ thuật ứng tác của Jazz phương Tây. Sinh viên cần được tiếp cận với dân ca qua nghe, hát, phân tích, ký âm và thực hành chuyển thể. Đây là cách giúp kiến thức lý thuyết trở thành năng lực sáng tạo thực tế.

KẾT LUẬN

Modal Jazz và dân ca Việt Nam thuộc những truyền thống âm nhạc có lịch sử, bối cảnh văn hóa và hệ thống lý luận khác nhau. Tuy nhiên, giữa hai lĩnh vực vẫn tồn tại những điểm gặp gỡ có khả năng mở ra hướng sáng tạo mới, đặc biệt trong cách khai thác màu sắc cao độ, phát triển mô-típ, tổ chức không gian âm thanh và tạo dựng cấu trúc biểu cảm.

Giá trị của Modal Jazz đối với việc khai thác dân ca Việt Nam không nằm ở việc cung cấp một công thức hòa âm có sẵn, mà ở khả năng gợi mở một tư duy sáng tạo: đi sâu vào bản chất của chất liệu, khám phá những khả năng biểu đạt tiềm ẩn và phát triển chúng bằng ngôn ngữ âm nhạc đương đại.

Ngược lại, dân ca Việt Nam cũng có thể đem đến cho người nghệ sĩ Jazz những nguồn cảm hứng về đường nét giai điệu, ngữ điệu, nhịp điệu và phương thức tổ chức âm thanh khác biệt. Khi được nghiên cứu và vận dụng một cách thận trọng, những yếu tố ấy có thể góp phần mở rộng vốn từ vựng nghệ thuật của Jazz, đồng thời tạo ra những dấu ấn riêng cho sáng tác và biểu diễn tại Việt Nam.

Đối với lĩnh vực Piano Jazz, hướng tiếp cận này đặc biệt có ý nghĩa bởi cây đàn piano cho phép nghệ sĩ kết hợp nhiều vai trò: trình bày giai điệu, xây dựng hòa âm, tổ chức âm trầm, phát triển tiết tấu và thực hiện ứng tác. Đây là điều kiện thuận lợi để thử nghiệm những mô hình kết hợp giữa dân ca và Modal Jazz trong cả biểu diễn độc tấu lẫn hòa tấu.

Về lâu dài, việc phát triển một ngôn ngữ Jazz mang bản sắc Việt Nam cần được xây dựng trên nền tảng nghiên cứu liên ngành, kết hợp giữa lý luận âm nhạc, dân tộc nhạc học, thực hành biểu diễn và sáng tác. Mục tiêu không phải là biến dân ca thành một phiên bản Jazz đơn thuần, cũng không phải giới hạn Jazz trong việc minh họa các giai điệu truyền thống, mà là tạo ra một cuộc đối thoại nghệ thuật bình đẳng giữa hai thế giới âm nhạc.

Có thể nói, khi chất liệu dân ca được tiếp cận bằng tư duy sáng tạo của Modal Jazz, truyền thống không còn chỉ là đối tượng được bảo tồn, mà trở thành nguồn lực sống động cho sáng tác đương đại. Và khi Jazz tiếp nhận những chiều sâu biểu cảm của âm nhạc Việt Nam, sự hội nhập không còn đơn thuần là tiếp nhận kỹ thuật từ bên ngoài, mà trở thành quá trình tìm kiếm một tiếng nói nghệ thuật riêng - một tiếng nói vừa mở rộng với thế giới, vừa bắt nguồn sâu sắc từ bản sắc văn hóa dân tộc.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Phạm Duy (1972). *Đặc khảo về dân nhạc ở Việt Nam*. Sài Gòn: Nhà xuất bản Hiện Đại.
2. Nguyễn Tiến Mạnh (2016), *Nghệ thuật Piano Jazz chuyên nghiệp Việt Nam,* Luận án Âm nhạc học, Học viện Âm nhạc Quốc gia Việt Nam.
3. Levine, Mark (1995). *The Jazz Theory Book*. Sher Music Co.
4. Miles Davis (1959). *Kind of Blue*. Columbia Records. Album thu âm có ý nghĩa tiêu biểu đối với sự phát triển của Modal Jazz.
5. Nguyên Lê (1996). *Tales from Việt Nam.* ACT Music, CD, mã phát hành ACT 9225-2. Album thu âm có ý nghĩa tiêu biểu đối với việc khai thác chất liệu dân ca Việt Nam trong ngôn ngữ Jazz đương đại.
6. Nguyên Lê và Ngô Hồng Quang (2017). *Hà Nội Duo.* ACT Music, 2017. CD, mã catalog ACT 9828-2. Thu âm tại Studio Louxor, Barbès, Paris, Pháp, tháng 4–8/2016.